

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Ngày 31/03/2025	14,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	11.9%	18.3%

DT thuần Q1/25
205
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 58.0 39.5%
YoY: ▲ 87.0 73.8%

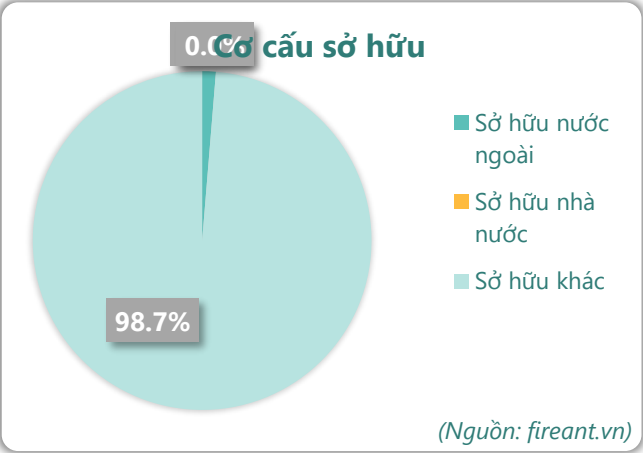
LN thuần Q1/25
68.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.9 25.5%
YoY: ▲ 44.1 180%

LN sau thuế Q1/25
55.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 17.8 46.6%
YoY: ▲ 35.0 167%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
32.8%
YoY: +/- ▼ 4.4%

ROE (TTM) Q1/25
23.9%
YoY: +/- ▲ 4.7%

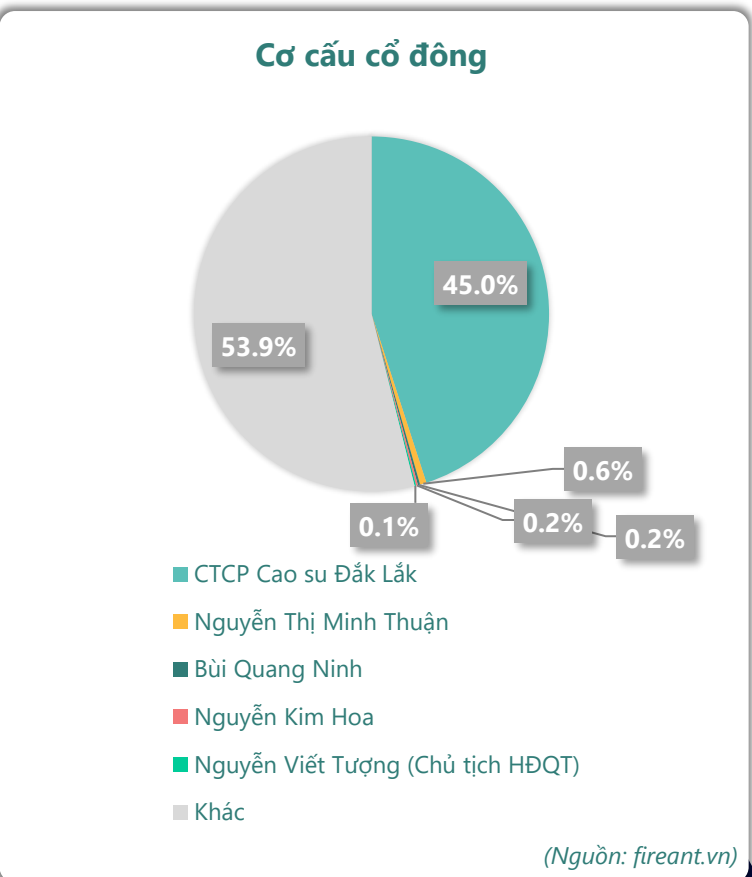
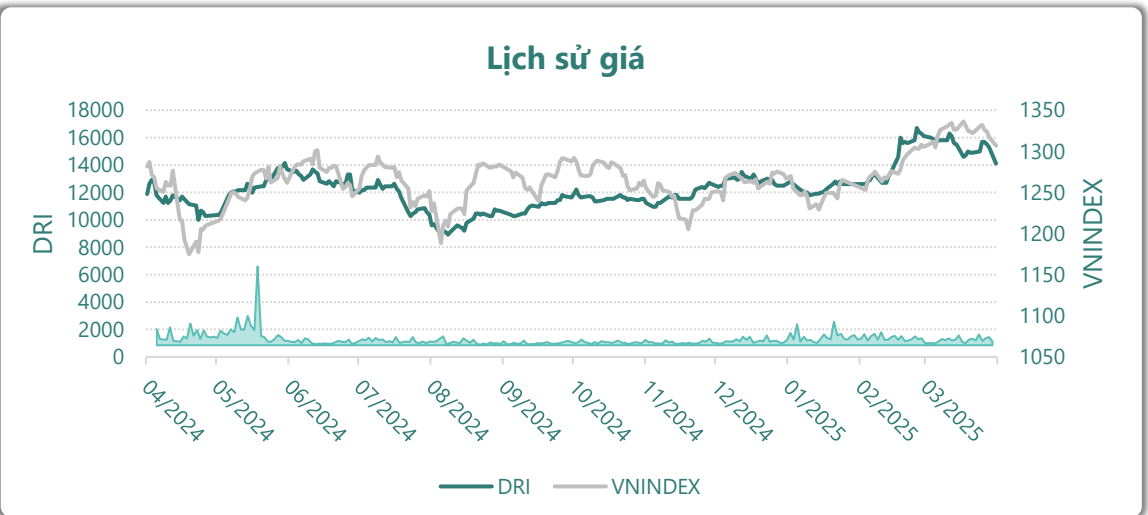
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,915 - 16,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,032
Số lượng CPLH (CP)	73,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,632,565
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	1.68
EPS	1,964
P/E	7.2



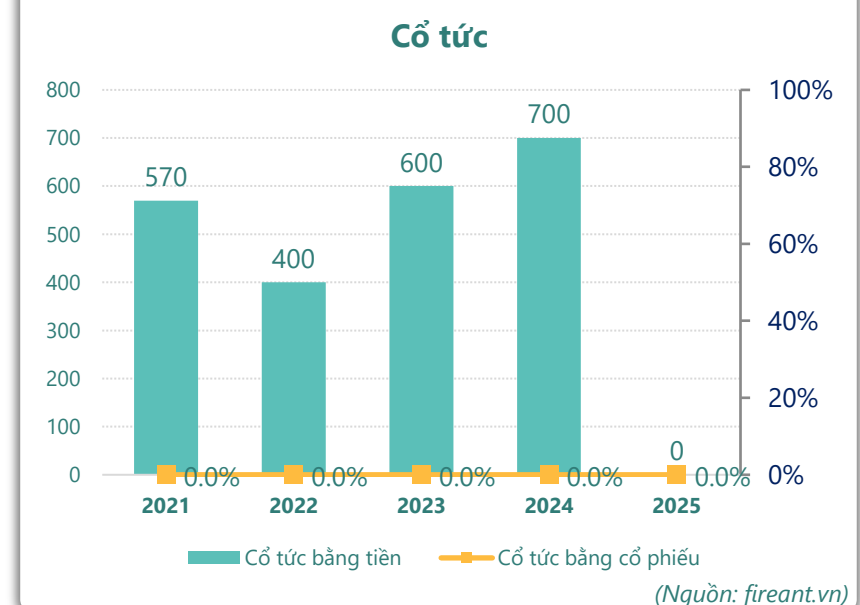
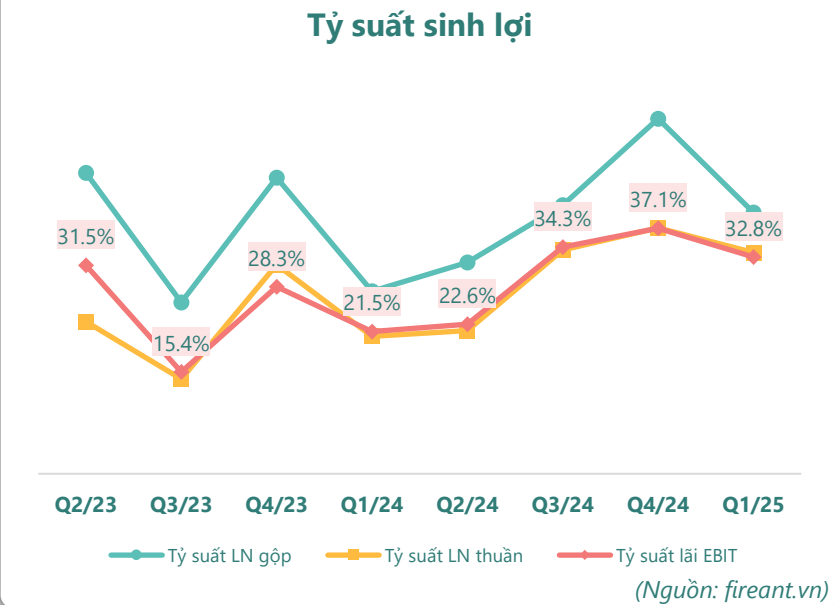
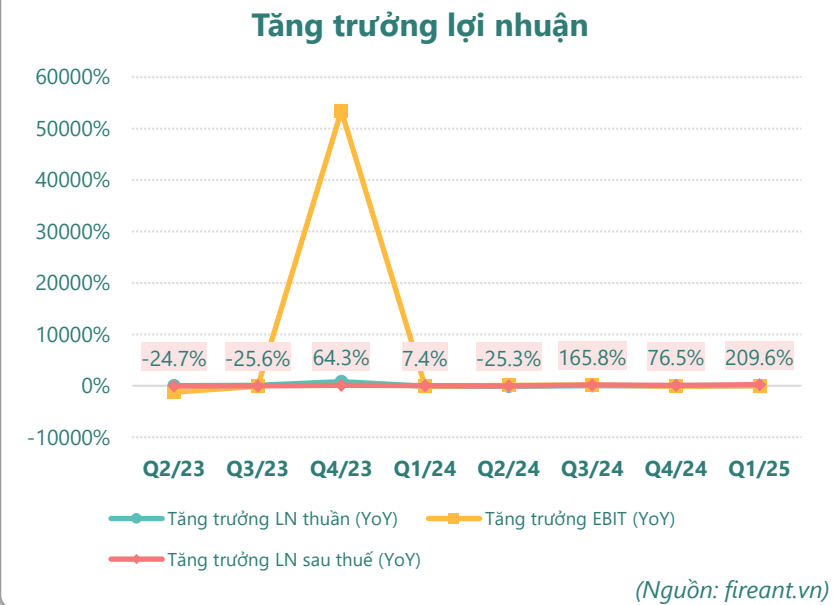
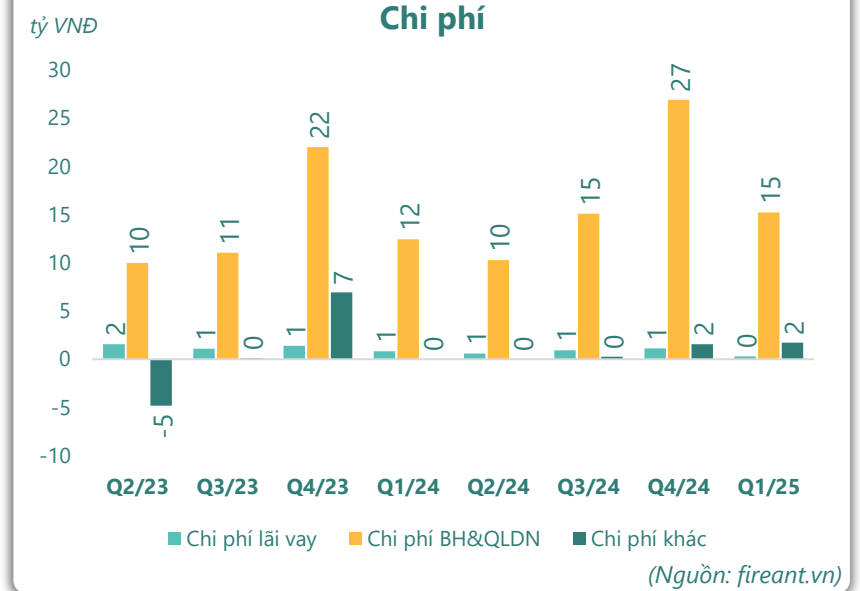
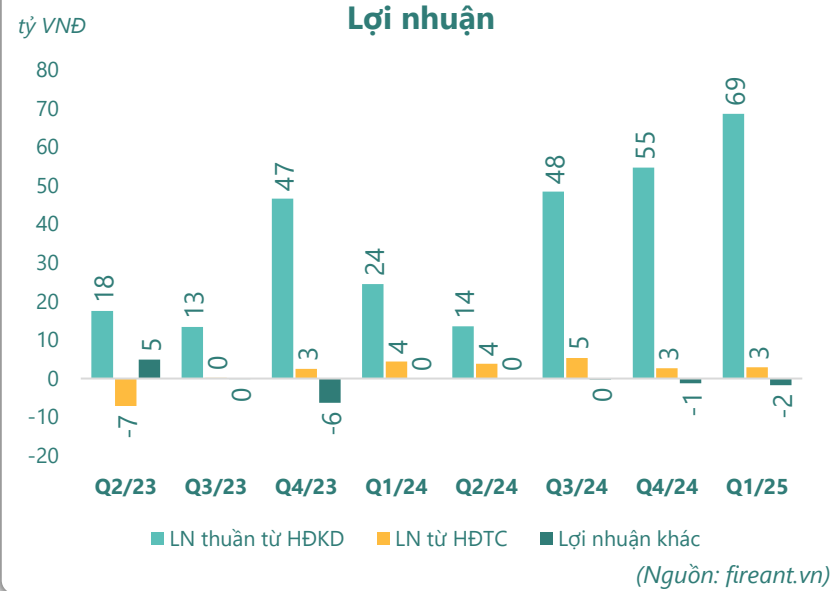
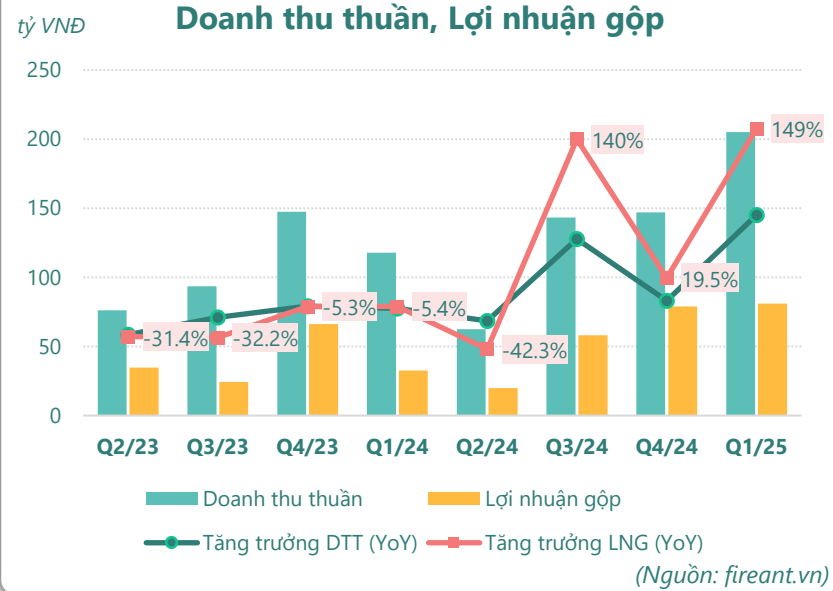
DT thuần 2024
471
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.0 6.2%

LN thuần 2024
141
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 44.4 46.0%

LN sau thuế 2024
110
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 36.3 49.9%



KẾT QUẢ KINH DOANH



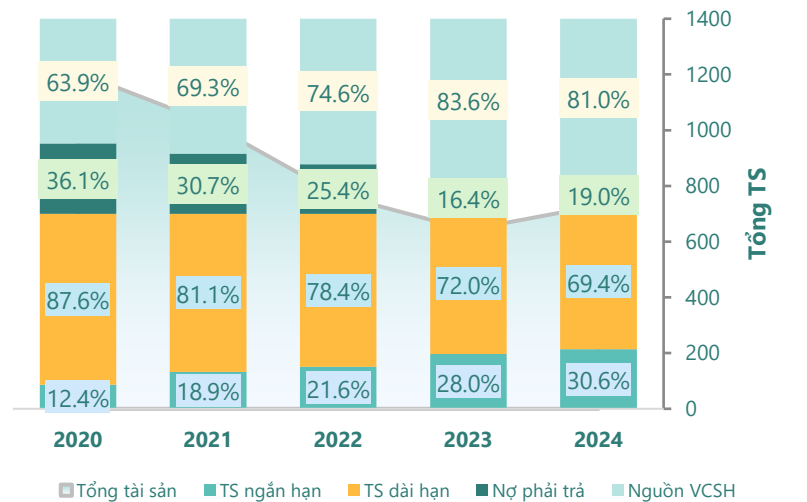


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

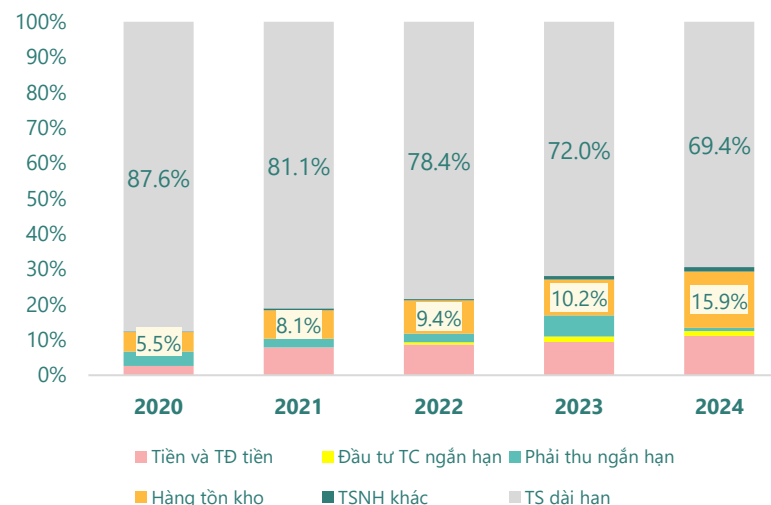
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

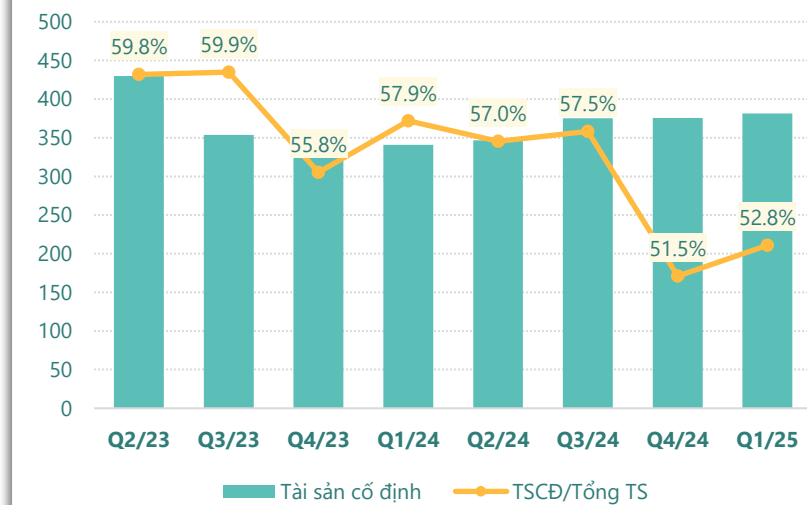
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

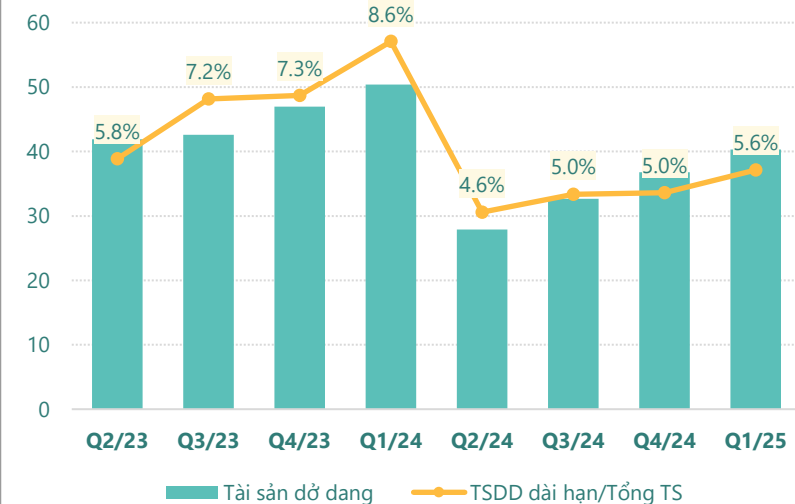
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

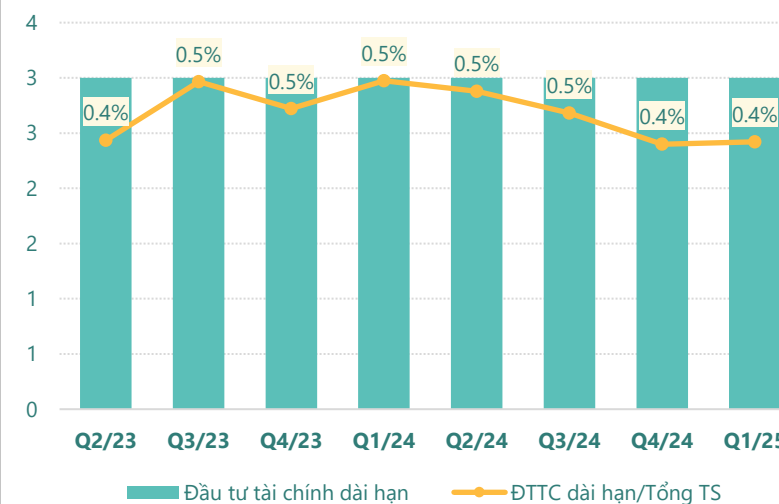
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

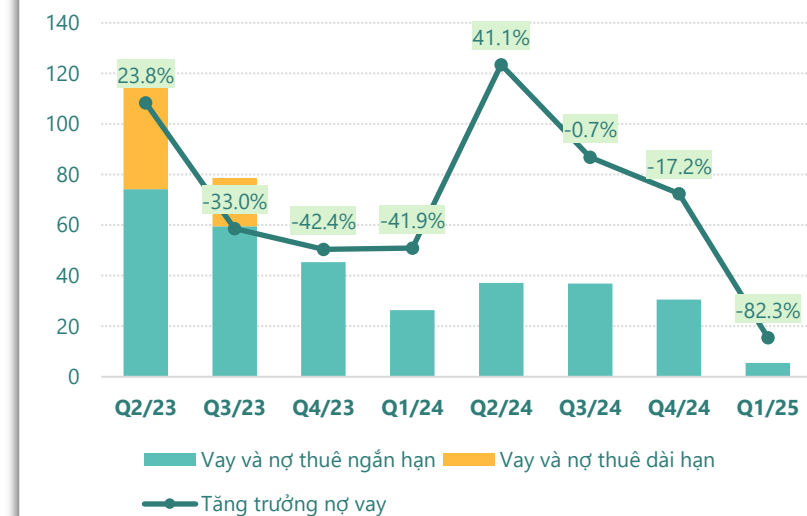
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

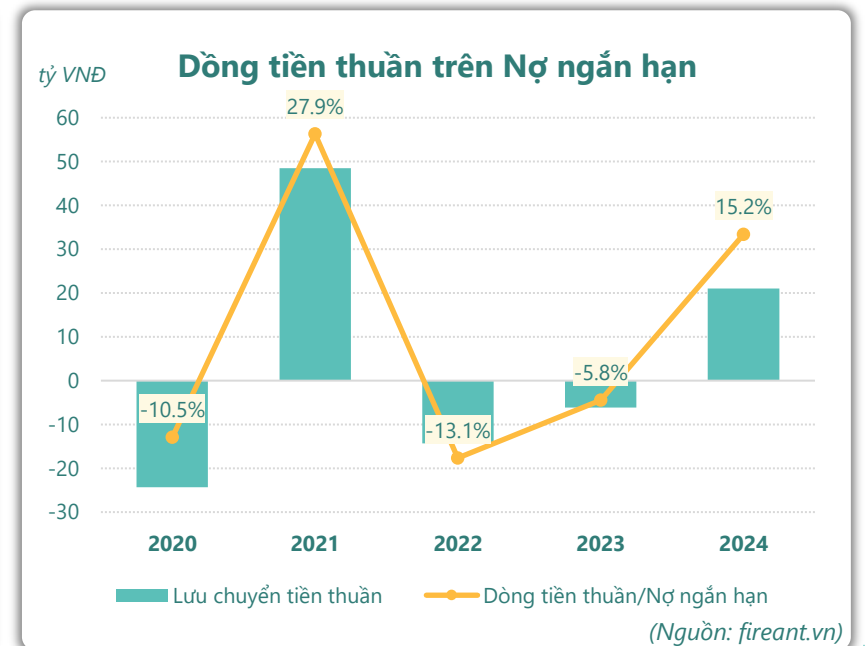
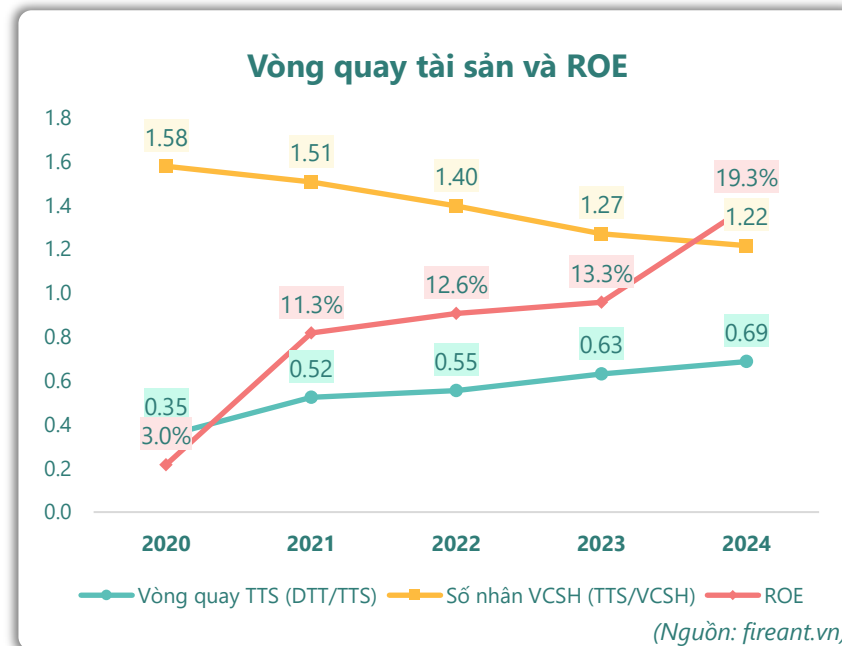
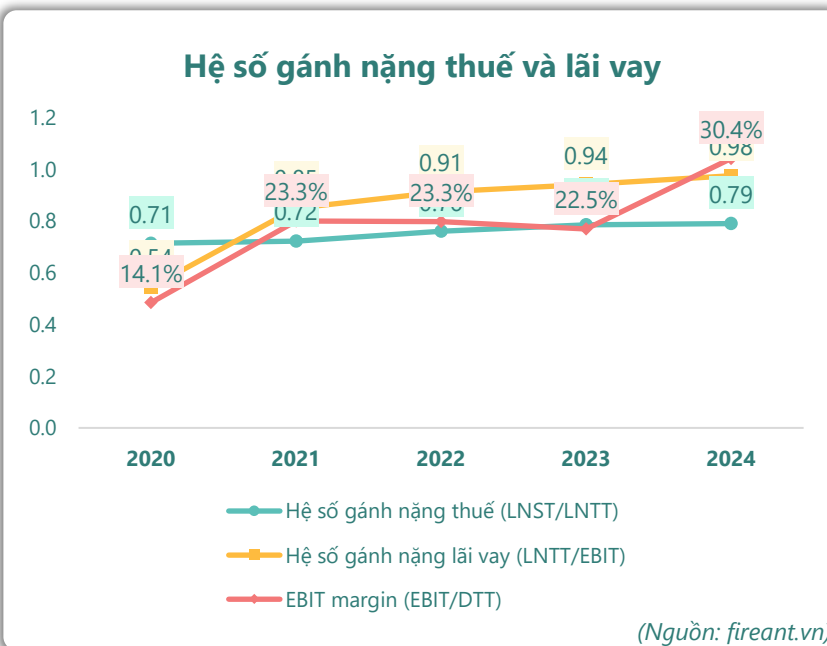
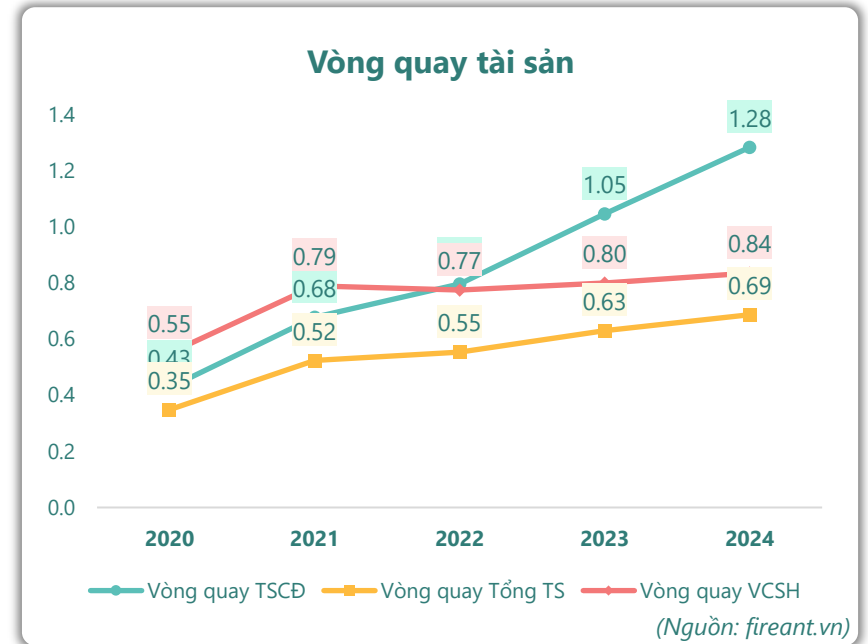
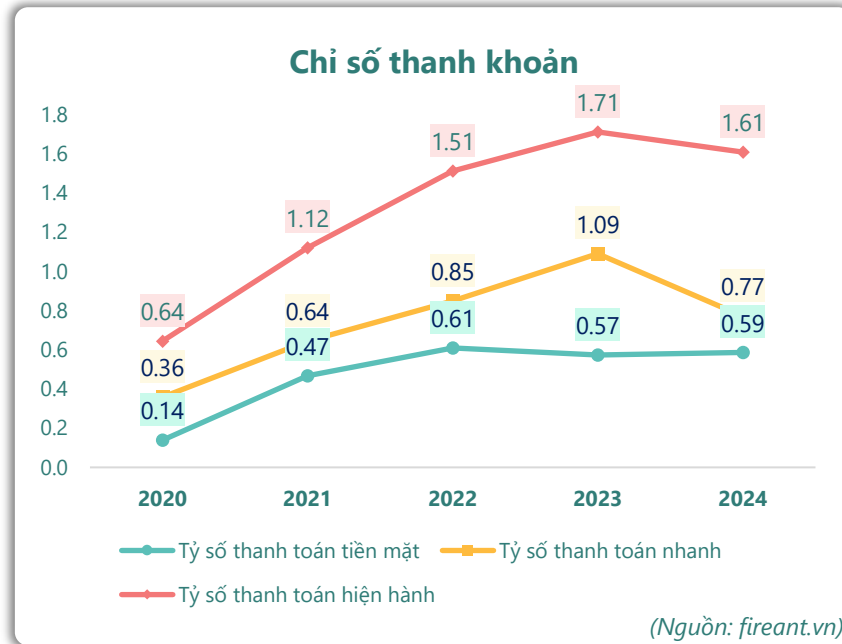
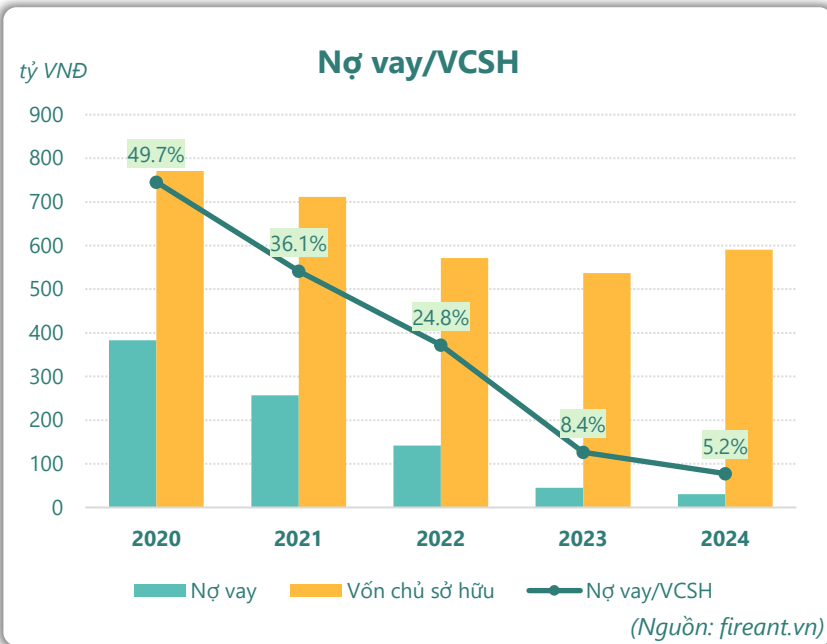
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	205	118	73.8%	471	444	6.2%
Giá vốn hàng bán	124	85.3	45.5%	281	284	-1.0%
Lợi nhuận gộp	81.0	32.5	149%	190	159	19.0%
Doanh thu HĐTC	4.10	5.36	-23.6%	23.2	17.8	30.4%
Chi phí TC	1.22	0.92	32.3%	6.93	19.3	-64.0%
Chi phí lãi vay	0.30	0.84	-64.0%	3.51	5.87	-40.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	7.46	7.65	-2.5%	30.5	34.4	-11.3%
Chi phí QLDN	7.79	4.80	62.2%	34.2	26.8	27.8%
LN thuần từ HĐKD	68.6	24.5	180%	141	96.6	46.0%
Lợi nhuận khác	-1.71	0.00		-1.41	-2.88	50.9%
LN trước thuế	66.9	24.5	173%	140	93.7	49.0%
Lợi nhuận sau thuế	55.9	20.9	167%	110	73.7	49.9%
LNST của CĐ cty mẹ	55.9	20.9	168%	109	73.7	48.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	77.3	17.3	-3.84	48.1	69.9	52.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.96	-12.8	-2.83	-5.93	1.43	-2.52
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-37.6	-35.7	8.31	-22.3	-40.8	-27.2
Tiền đầu kỳ	29.4	60.3	28.4	31.0	50.4	81.1
Lưu chuyển tiền thuần	32.7	-31.3	1.65	19.8	30.5	22.4
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.74	-0.62	0.91	-0.37	0.15	0
Tiền cuối kỳ	60.3	28.4	31.0	50.4	81.1	104

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	723	729	-0.8%
Tài sản ngắn hạn	206	223	-7.8%
Tiền và tương đương tiền	104	81.1	27.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	14.3	6.48	120%
Hàng tồn kho	71.2	116	-38.6%
Tài sản ngắn hạn khác	6.52	9.21	-29.2%
Tài sản dài hạn	518	506	2.2%
Phải thu dài hạn	80.0	80.0	0.0%
Tài sản cố định	381	375	1.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	40.3	36.8	9.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	12.9	11.0	16.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	47.7	138	-65.6%
Nợ ngắn hạn	47.7	138	-65.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.41	30.5	-82.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1.21	4.10	-70.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	675	591	14.4%
Vốn chủ sở hữu	675	591	14.4%
Vốn điều lệ	732	732	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

